TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM TÂN** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 03/02/2021
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Nữ và bà Nguyễn Thị Tơ.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Vĩnh Nguyên– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa**:* Bà Lê Thị Thu Quý- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xét xử công khai vụ án thụ lý số 151/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn Tân Ng, huyện Hàm T, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn Tân Ng, huyện Hàm T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 27.6.2020 và lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Hàm T, ông Nguyễn Thanh Đ– nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân : Sau quá trình tìm hiểu, ông và bà Nguyễn Thị Kim H tự nguyện sống chung vào năm 2000 và đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND xã Tân Ng, huyện Hàm T, tỉnh Bình Thuận.

Quá trình chung sống thấy có hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân từ khi bà H buôn bán thanh long bên ngoài có mối quan hệ phức tạp, tuy không tận mặt chứng kiến bà H có quan hệ mật thiết, thân tình với

người đàn ông khác vượt qua giới hạn bình thường trong giao tiếp nhưng dư luận đồi thổi bà H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, mặc khác về nhà bà H đối xử với chồng rất lạnh nhạc, khác với quan hệ tình cảm vợ chồng trước đây. Ông Đ có nhiều lầu khuyên bảo bà H từ bỏ không buôn bán thanh thanh long nhưng bà H không chịu, từ đó vợ chồng thường hay cải nhau, mâu thuẫn này càng trầm trọng, bà H về bên ba mẹ ruột của bà H sống, đã sống ly thân với nhau từ tháng 11/2019 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có hạnh phúc, không thể tiếp tục sống chung vì vậy ông Nguyễn Thành Đ yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim H.

Về con chung : Quá trình chung sống ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thi Kim H có 03 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 19/9/2002; Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 21/10/2009 và Nguyễn Hoàng Phúc Th, sinh ngày 25/11/2013. Khi ly hôn ông Đ yêu cầu trược tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 21/10/2009 và bà H trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoàng Phúc Th, sinh ngày 25/11/2013; không ai cấp dưỡng ai.

Về tài sản chung : Quá trình chung sống, ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim H tạo lập tài sản chung gồm :

- Đất 12.000m^2 đất trồng cây lâu năm thể hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 484942 do UBND huyện Hàm T cấp ngày 15/4/2014. Trên đất trồng 1.500 trụ thanh long, trồng vào năm 2013. Đất tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Tân Ng, huyện Hàm T, tỉnh Bình Thuận.
- Đất 247m^2, trong đó đất ở 144m^2 và 103m^2 đất trồng cây khác. Được thể hiện tại giấy chứng nhận QSDĐ số BO 537323, do UBND huyện Hàm T cấp ngày 17/8/2013. Hiện tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Tân Ng, huyện Hàm T.
- Diện tích đất 4.000m^2 đất trồng cây lâu năm thể hiện tại giấy CNQSDĐ số CP 623902 do UBND huyện Hàm T cấp ngày 03/9/2019. Hiện tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Tân Ng, huyện Hàm T, tỉnh Bình Thuận. Trên đất hiện có 400 trụ thanh long đang sử dụng.
- Đất 2.215m^2 đất trồng cây lâu năm thể hiện tại giấy CNQSDĐ số CP 525061 do UBND huyện Hàm T cấp ngày 04/01/2019. Hiện tọa lạc tại thôn Tân H, xã Sông Ph, huyện Hàm T.
- Đất 7.677m^2 đất trồng cây hàng năm khác thể hiện tại giấy CNQSDĐ số AP 932304 do UBND huyện Hàm T cấp ngày 09/11/2009. Hiện tọa lạc tại thôn Tân H, xã Sông Ph, huyện Hàm T, tỉnh Bình Thuận.
- Đất 3.932m^2 đất trồng cây hàng năm khác thể hiện tại giấy CNQSDĐ số AM 198305 do UBND huyện Hàm T cấp ngày 08/12/2008 (trên đất có 500 trụ thanh long).
- Về tiền : Số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) bà Hiền đang nắm giữ từ việc vay của Ngân hàng TMCP Bưu điện LV-Phòng giao dịch Hàm T.

Ông Nguyễn Thành Đ yêu cầu chia đôi với tài sản chung trên, ông yêu cầu được nhận tài sản; còn số tiền 900.000.000 đồng ông Đ yêu cầu chia đôi, bà H thối lại cho ông Đ 450.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thành Đ đã rút toàn bộ yêu cầu đối với phần chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Ông Đ chỉ yêu cầu đối với số tiền 900.000.000 đồng, ông Điệp yêu cầu chia đôi, bà H thối lại cho ông 450.000.000 đồng.

Về nợ chung : Ông Nguyễn Thành Đ yêu cầu chia đôi nợ chung đối với số tiền vay 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) của Ngân hàng TMCP Bưu điện LV-Chi nhánh Bình Thuận-Phòng giao dịch Hàm T. Quá trình giải quyết ông Nguyễn Thành Đ rút yêu cầu chia nợ chung này vì ông và bà H đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện LV-Phòng giao dịch Hàm T. Hiện không còn nợ ai.

Bà Nguyễn Thị Kim H– bị đơn trình bày:

Bà H thống nhất về thời gian đăng ký kết hôn và con chung như ông Đ trình bày. Về hôn nhân : đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông Đ nghe lời bên gia đình ông Đ, đánh đập bà H, bà xác định không có quen người đàn ông nào như ông Đ trình bày, do công việc mua bán thanh long nên phải thường xuyên tiếp xúc nhiều người, bà đã cố gắng giải thích và mong muốn được đoàn tụ nhưng ông Đ vẫn cương quyết ly hôn, vì vậy nay bà đồng ý ly hôn ông Nguyễn Thành Đ. Về con chung bà đồng ý giao cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 21/10/2009 cho ông Nguyễn Thành Đ trực tiếp nuôi dưỡng, còn bà H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Phúc Th, sinh ngày 25/11/2013; không ai cấp dưỡng ai.

Về tài sản chung : Bà H thống nhất việc ông Đ xin rút yêu cầu, không yêu cầu chia tài sản chung 06 thửa đất nêu trên vì đã tự thỏa thuận được cách giải quyết.

Đối với số tiền 900.000.000 đồng ông Đ yêu cầu bà không chấp nhận, bà không có nhận số tiền này; thực chất khi vay ngân hàng số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) thì đã trả nợ cho Ngân hàng 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng), còn lại 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) thì ông Đ trả cho vợ chồng chị vợ 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), trả cho mẹ vợ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) còn lại ông Đ giữ 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) để ông Đ chi phí cho việc đầu tư trồng thanh long. Bà không có giữa số tiền nào cả.

Về nợ chung : Bà H thống nhất việc ông Đ rút phần yêu cầu này, không yêu cầu chia nợ chung vì hiện đã trả nợ cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện LV, không còn nợ ai.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim H.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 21/10/2009 cho ông Nguyễn Thành Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao bà Nguyễn Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Phúc Th, sinh ngày 25/11/2013; không ai cấp dưỡng ai.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ giải quyết đối với phần tài sản chung và nợ chung mà nguyên đơn ông Nguyễn Thành Đ đã rút yêu cầu và bà Nguyễn Thị Kim H đã thống nhất việc rút yêu cầu của ông Đ. Đối với số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) ông Đ yêu cầu bà H chia ông 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) là không có căn cứ. Vì đây là số tiền vay, ông Đ không chứng minh được bà H đã sử dụng số tiền này cho mục đích sử dụng riêng.

- Về án phí: Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật và án phí sơ thẩm đối với phần bác yêu cầu chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thành Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm T.

[3] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thành Đ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim H là hôn nhân hợp pháp. Giữa ông Đ và bà H đã có thời gian chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, điều này được ông Đ và bà H thừa nhận và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn chung sống với nhau và không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Ông Đ, bà H thấy tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông, bà được ly hôn với nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông Đ và bà H mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và việc thuận tình ly hôn giữa ông Đ và bà H là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim H theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thi Kim H có 03 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 19/9/2002; Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 21/10/2009 và Nguyễn Hoàng Phúc Th, sinh ngày 25/11/2013. Đối với cháu Nguyễn Hoàng Đ đã trưởng thành nên ông Nguyễn Thành Đ bà Nguyễn Thị Kim H đều không yêu cầu Toà án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét đến.

Khi ly hôn ông Nguyễn Thành Đ đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Kim H đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Phúc Th. Vì vậy cần giao ông Nguyễn Thành Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 21/10/2009 và giao bà Nguyễn Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Phúc Th, sinh ngày 25/11/2013; không ai cấp dưỡng ai.

[5] Về tài sản chung:

+ Đối với phần tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất gồm :

- Đất 12.000m^2 đất trồng cây lâu năm thể hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QSDĐ số BQ 484942 do UBND huyện Hàm T cấp ngày 15/4/2014. Trên đất trồng 1.500 trụ thanh long, trồng vào năm 2013. Đất tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Tân Ng, huyện Hàm T, tỉnh Bình Thuận.

- Đất 247m^2 , trong đó đất ở 144m^2 và 103m^2 đất trồng cây khác. Được thể hiện tại giấy chứng nhận QSDĐ số BO 537323, do UBND huyện Hàm T cấp ngày 17/8/2013. Hiện tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Tân Ng, huyện Hàm T.

- Diện tích đất 4.000m^2 đất trồng cây lâu năm thể hiện tại giấy CNQSDĐ số CP 623902 do UBND huyện Hàm T cấp ngày 03/9/2019. Hiện tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Tân Ng, huyện Hàm T, tỉnh Bình Thuận. Trên đất hiện có 400 trụ thanh long đang sử dụng.

- Đất 2.215m^2 đất trồng cây lâu năm thể hiện tại giấy CNQSDĐ số CP 525061 do UBND huyện Hàm T cấp ngày 04/01/2019. Hiện tọa lạc tại thôn Tân H, xã Sông Ph, huyện Hàm Tân.

- Đất 7.677m^2 đất trồng cây hàng năm khác thể hiện tại giấy CNQSDĐ số AP 932304 do UBND huyện Hàm T cấp ngày 09/11/2009. Hiện tọa lạc tại thôn Tân H, xã Sông Ph, huyện Hàm T, tỉnh Bình Thuận.

- Đất 3.932m^2 đất trồng cây hàng năm khác thể hiện tại giấy CNQSDĐ số AM 198305 do UBND huyện Hàm T cấp ngày 08/12/2008 (trên đất có 500 trụ thanh long).

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thành Đ đã rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung trên. Việc rút yêu cầu này được bà Nguyễn Thị Kim H đồng ý. Vì vậy, HĐXX sẽ đình chỉ đối với phần yêu cầu chia tài sản chung này.

+ Đối với số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) mà ông Nguyễn Thành Đ yêu cầu chia từ việc vay vốn 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) của Ngân hàng TMCP Bưu điện LV-Phòng giao dịch Hàm T. HĐXX xét thấy : Vào

ngày 14/11/2019 ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim H có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Bưu Điện LV chi nhánh Bình Thuận-Phòng giao dịch Hàm T với số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), mục đích vay : bổ sung vốn mua bán thanh long. Ông Nguyễn Thành Đ cho rằng sau khi nhận số tiền vay này bà H chỉ giao cho ông 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), còn lại 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) bà H giữ sử dụng việc riêng nhưng bà H không thừa nhận đã nhận số tiền này và cho rằng sau khi vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) chính ông Đ là người giữ số tiền này và đã thanh toán 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) cho món vay của Ngân hàng TMCP Công Thương VN-Chi nhánh Bình Thuận-Phòng giao dịch Hàm Thuận N, số tiền còn lại 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) ông Đ đã thanh toán nợ cho mẹ vợ là bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), cho vợ chồng chị vợ bà Nguyễn Thị Kim A số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), còn lại 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) ông Nguyễn Thành Đ giữ lại để chi phí cho việc đầu tư trồng thanh long.

Ông Nguyễn Thành Đ cho rằng số tiền vay 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) bà H giữ sử dụng việc riêng nhưng ông Đ không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh bà H đã nhận số tiền này để sử dụng mục đích riêng. Lời khai của bà H phù hợp với tài liệu bà H cung cấp là giấy nộp tiền do ông Nguyễn Thành Đ nộp vào ngày 28/10/2019 của Ngân hàng TMCP Công Thương VN-Chi nhánh Bình Thuận-Phòng giao dịch Hàm Thuận N số tiền 453.864.767 (trong đó trả gốc là 450 triệu, còn lại là lãi tất toán); phù hợp với lời khai của bà Trần Thị Mộng H xác nhận ông Nguyễn Thành Đ-bà Nguyễn Thị Kim H có vay của bà H số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng; bà Nguyễn Thị Hồng L xác nhận ông Đ có trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị Kim A xác nhận ông Đ có trả cho vợ chồng bà A số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Căn cứ khoản 1 điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ chung về tài sản vợ chồng : "nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm". Ông Nguyễn Thành Đ yêu cầu chia ½ là số tiền 900.000.000 đồng từ vay vốn của Ngân hàng nhưng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, vì vậy HĐXX sẽ không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thành Đ.

[6] Về nợ chung: Ông Nguyễn Thành Đ yêu cầu chia đôi nợ chung đối với số tiền vay 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) của Ngân hàng TMCP Bưu điện LV-Chi nhánh Bình Thuận-Phòng giao dịch Hàm T. Quá trình giải quyết ông Nguyễn Thành Đ đã rút đối với phần yêu cầu chia nợ chung này vì ông và bà H đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện LV-Phòng giao dịch Hàm T. Bà H đồng ý việc rút yêu cầu này và Ngân hàng TMCP Bưu điện LV-Chi nhánh Bình

Thuận-Phòng giao dịch Hàm T xác nhận đã tất nợ và không có yêu cầu gì. Vì vậy, HĐXX sẽ đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu chia nợ chung này.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Thành Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự đối với phần bác yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 262, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 37, Điều 51, 53, 54, 55, Điều 59, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim H.

2. Về con chung: giao ông Nguyễn Thành Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 21/10/2009 và giao bà Nguyễn Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Phúc Th, sinh ngày 25/11/2013; không ai cấp dưỡng ai.

Ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim H được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung :

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung đối với 06 thửa đất là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Đ yêu cầu chia đôi số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) từ việc vay của Ngân hàng TMCP Bưu điện LV-Chi nhánh Bình Thuận-Phòng giao dịch Hàm T.

4. Về nợ chung : Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia nợ chung số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) vay của Ngân hàng TMCP Bưu điện LV-Chi nhánh Bình Thuận-Phòng giao dịch Hàm T.

5. Về án phí ông Nguyễn Thành Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 14.300.000 đồng (mười bốn triệu ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Thành Đ đã nộp theo biên lai số 0002689 ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm T, ông Nguyễn Thành Đ còn phải nộp thêm số tiền án phí là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng)

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn và bị đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thế Anh

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm T;
- Chi cục THADS huyện Hàm T;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Tân Ng, huyện Hàm T;
- Lưu hồ sơ – án văn.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**